HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI
QUY HOẠCH KHU TÁI ĐỊNH CƯ 15HA HUYỆN TÂN PHÚ
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH PHÂN LÔ TỶ LỆ: 1/500

KÝ HIỆU:

- A — ĐẤT Ở (NHÀ LIÊN KẾ PHỐ)
- DGD — ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC
- DVH — ĐẤT CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
- TK — ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- CX — CÔNG VIÊN, CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH CÁC KHU ĐẤT Ở
- RANH KHU ĐẤT

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại Đất	CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH				MĐXD (%)	TCXD (tầng)	TỶ LỆ (%)
		Diện tích (m²)	Số lô (Căn hộ)	Dân số (Người)	Chỉ tiêu (m²/ng)			
1	***Đất ở (nhà liên kế)***	***97.344,46***	***756***	***3.024***	***32,19***			**63,43**
	- Đất ở khu A	*52.655,83*	*406*	*1.624*		*80-90*	*2~3*	34,31
	- Đất ở khu B	*44.688,63*	*350*	*1.400*		*80-90*	*2~3*	29,12
2	***Đất công trình Văn hóa - Giáo dục***	***7.107,32***			***2,35***			**4,63**
	- Đất công trình giáo dục	*5.014,78*				*≤40*	*≤3*	3,27
	- Đất công trình văn hóa	*2.092,54*				*≤40*	*≤3*	1,36
3	***Đất cây xanh - TDTT***	***8.949,42***			***2,96***	*≤5*	*≤1*	**5,83**
	- Cây xanh - TDTT khu A	*4.407,92*						2,87
	- Cây xanh - TDTT khu B	*4.541,50*						2,96
4	***Đất hạ tầng kỹ thuật***	***1.610,53***			***0,53***			**1,05**
5	***Đất giao thông đối nội***	***38.467,27***			***12,72***			**25,06**
	- Đất giao thông khu A	*18.908,25*						12,32
	- Đất giao thông khu B	*19.559,02*						12,74
6	**Tổng cộng**	***153.479,00***						**100,00**
7	***Đất giao thông đối ngoại***	***38.996,00***						**100,00**
	Tổng diện tích đất quy hoạch	**192.475,00**						

A. ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ													
TT	Tên lô Đất ký hiệu	Đất ở (m²)	Số lô (Căn hộ)	Diện tích Đất (m²) Lô	Tầng	Mật độ XD (%)	Tầng cao Đặng	Diện tích sàn xây dựng (m²) Lô	Tầng	Hệ số SDĐ	Khoảng lùi (m) Trước	Khoảng lùi (m) Sau	Khoảng lùi (m) Bên (m)
I	**KHU A**		**406**		**52655,83**				**103718,75**				
	LÔ A1		**58**	**7430,54**		**80,00**	**3**		**14880,48**	**2,27**			
	01-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	97,54	97,54	100,00	3	292,62	292,62		3,50	3,50	0,00
	02-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,60	128,60	80,00	3	385,86	385,86		3,50	3,50	0,00
	03-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	04-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	05-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	06-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	07-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	08-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	09-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	10-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	11-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	12-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	13-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	14-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	15-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	16-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	17-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	18-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	Lô chưa bán	Xanh lưu vự	1	491,49									
	LÔ A2		**58**	**7430,21**		**80,00**	**3**		**14880,48**	**2,27**			
	01-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	97,54	97,54	100,00	3	292,62	292,62		3,50	3,50	0,00
	02-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,60	128,60	80,00	3	385,86	385,86		3,50	3,50	0,00
	03-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	04-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	05-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	06-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	07-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	08-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	09-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	10-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	11-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	12-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	13-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	14-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	15-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	16-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	17-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	18-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	Lô chưa bán	Xanh lưu vự	1	491,49									
	LÔ A3		**58**	**7430,21**		**80,00**	**3**		**14880,48**	**2,27**			
	01-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	97,54	97,54	100,00	3	292,62	292,62		3,50	3,50	0,00
	02-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,60	128,60	80,00	3	385,86	385,86		3,50	3,50	0,00
	03-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	04-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	05-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	06-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	07-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	08-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	09-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	10-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	11-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	12-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	13-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	14-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	15-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	16-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	17-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	18-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	Lô chưa bán	Xanh lưu vự	1	491,49									
	LÔ A4		**58**	**7430,21**		**80,00**	**3**		**14880,48**	**2,27**			
	01-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	97,54	97,54	100,00	3	292,62	292,62		3,50	3,50	0,00
	02-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,60	128,60	80,00	3	385,86	385,86		3,50	3,50	0,00
	03-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	04-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	05-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	06-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	07-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	08-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	09-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	10-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	11-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	12-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,39	125,39	80,00	3	376,16	376,16		3,50	3,50	0,00
	13-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	14-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	15-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	16-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	17-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	18-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	125,41	125,41	80,00	3	376,22	376,22		3,50	3,50	0,00
	Lô chưa bán	Xanh lưu vự	1	491,49									
	LÔ A5		**58**	**7539,29**	**80,00**	**3**		**14882,67**	**2,24**				
	01-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	111,68	111,68	100,00	3	267,68	267,68		3,50	3,50	0,00
	02-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	157,68	157,68	80,00	3	378,43	378,43		3,50	3,50	0,00
	03-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	113,56	113,56	80,00	3	272,54	272,54		3,50	3,50	0,00
	04-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,60	128,60	80,00	3	308,64	308,64		3,50	3,50	0,00
	05-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	113,68	113,68	80,00	3	272,77	272,77		3,50	3,50	0,00
	06-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	07-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	08-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	09-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	10-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	11-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	12-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	13-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	14-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	15-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	16-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	17-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	18-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	Lô chưa bán	Xanh lưu vự	1	491,49									
	LÔ A6		**58**	**5756,12**	**80,00**	**3**		**13808,67**	**2,26**				
	01-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,74	128,74	100,00	3	308,98	308,98		3,50	3,50	0,00
	02-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	131,66	131,66	80,00	3	315,98	315,98		3,50	3,50	0,00
	03-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	133,57	133,57	80,00	3	320,57	320,57		3,50	3,50	0,00
	04-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	133,48	133,48	80,00	3	320,35	320,35		3,50	3,50	0,00
	05-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	133,39	133,39	80,00	3	320,13	320,13		3,50	3,50	0,00
	06-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	133,31	133,31	80,00	3	319,74	319,74		3,50	3,50	0,00
	07-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	133,22	133,22	80,00	3	319,53	319,53		3,50	3,50	0,00
	08-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	133,13	133,13	80,00	3	319,31	319,31		3,50	3,50	0,00
	09-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,60	128,60	80,00	3	308,65	308,65		3,50	3,50	0,00
	10-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,49	128,49	80,00	3	308,38	308,38		3,50	3,50	0,00
	11-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,39	128,39	80,00	3	308,13	308,13		3,50	3,50	0,00
	12-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,28	128,28	80,00	3	307,87	307,87		3,50	3,50	0,00
	13-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,18	128,18	80,00	3	307,62	307,62		3,50	3,50	0,00
	14-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,08	128,08	80,00	3	307,38	307,38		3,50	3,50	0,00
	15-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,97	127,97	80,00	3	307,13	307,13		3,50	3,50	0,00
	16-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,87	127,87	80,00	3	306,88	306,88		3,50	3,50	0,00
	17-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,76	127,76	80,00	3	306,63	306,63		3,50	3,50	0,00
	18-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,66	127,66	80,00	3	306,38	306,38		3,50	3,50	0,00
	Lô chưa bán	Xanh lưu vự	1	491,49									
	LÔ A7		**58**	**5694,38**	**80,00**	**3**		**13658,51**	**2,24**				
	01-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	109,50	109,50	100,00	3	296,88	296,88		3,50	3,50	0,00
	02-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	134,49	134,49	80,00	3	322,42	322,42		3,50	3,50	0,00
	03-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	134,34	134,34	80,00	3	322,42	322,42		3,50	3,50	0,00
	04-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	134,25	134,25	80,00	3	322,20	322,20		3,50	3,50	0,00
	05-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	134,16	134,16	80,00	3	321,98	321,98		3,50	3,50	0,00
	06-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	134,08	134,08	80,00	3	321,78	321,78		3,50	3,50	0,00
	07-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	133,99	133,99	80,00	3	321,58	321,58		3,50	3,50	0,00
	08-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	133,90	133,90	80,00	3	321,36	321,36		3,50	3,50	0,00
	09-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	118,81	118,81	80,00	3	285,14	285,14		3,50	3,50	0,00
	10-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	119,09	119,09	80,00	3	285,81	285,81		3,50	3,50	0,00
	11-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	119,37	119,37	80,00	3	286,49	286,49		3,50	3,50	0,00
	12-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	119,65	119,65	80,00	3	287,16	287,16		3,50	3,50	0,00
	13-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	119,93	119,93	80,00	3	287,83	287,83		3,50	3,50	0,00
	14-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	120,21	120,21	80,00	3	288,50	288,50		3,50	3,50	0,00
	15-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	120,49	120,49	80,00	3	289,18	289,18		3,50	3,50	0,00
	16-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	120,77	120,77	80,00	3	289,85	289,85		3,50	3,50	0,00
	17-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	121,05	121,05	80,00	3	290,52	290,52		3,50	3,50	0,00
	18-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	121,33	121,33	80,00	3	291,19	291,19		3,50	3,50	0,00
	Lô chưa bán	Xanh lưu vự	1	491,49									
	LÔ A8		**56**	**7289,74**	**80,00**	**3**		**16386,13**	**2,24**				
	01-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	111,68	111,68	100,00	3	267,68	267,68		3,50	3,50	0,00
	02-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	157,68	157,68	80,00	3	378,43	378,43		3,50	3,50	0,00
	03-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	113,56	113,56	80,00	3	272,54	272,54		3,50	3,50	0,00
	04-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	128,60	128,60	80,00	3	308,64	308,64		3,50	3,50	0,00
	05-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	113,68	113,68	80,00	3	272,77	272,77		3,50	3,50	0,00
	06-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	07-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	08-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	09-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	10-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	11-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	12-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	13-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	14-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	15-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	16-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	17-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	18-LO (g.ô)	Xanh lưu vự	1	127,57	127,57	80,00	3	306,17	306,17		3,50	3,50	0,00
	Lô chưa bán	Xanh lưu vự	1	491,49									

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2022

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2022

CƠ QUAN THỎA THUẬN:

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2022

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN HUYỆN TÂN PHÚ

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM 2022

CÔNG TRÌNH: QH KHU TÁI ĐỊNH CƯ 15HA HUYỆN TÂN PHÚ

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN TÂN PHÚ, HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH PHÂN LÔ

BẢN VẼ: QH-02/04	GHÉP: A0	TỈ: 1/500	NT: 09/2022
THIẾT KẾ	KTS. MAI ĐỨC HOÀNG		
CHỦ TRÌ	KTS. MAI ĐỨC HOÀNG		
CHỦ NHIỆM	ThS.KTS. NGUYỄN NGỌC TUẤN		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN THANH SANG		

GIÁM ĐỐC:

KS. ĐOÀN HẢI ĐĂNG

CÔNG TY TNHH NGÂN HẢI
Đ/c: số 6/12, khu phố 2, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa
Tel: 0613. 946 196 - Fax: 0613. 946 197